

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG HY VỌNG MỚI**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VIỄN THÔNG HY VỌNG MỚI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108151452

**3. Ngày thành lập:** 31/01/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Xóm Bền, Xã Tốt Động, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                | Mã ngành |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh | 8299     |
| 2.  | Quảng cáo                                                                                                                                | 7310     |
| 3.  | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Chụp ảnh cho tiêu dùng và thương mại                                                         | 7410     |
| 4.  | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                   | 7710     |
| 5.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                | 8230     |
| 6.  | Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)                                            | 2817     |
| 7.  | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>-Chi tiết: Dạy máy tính;                                                            | 8559     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 8.  | <p>Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dịch vụ phần mềm</li> <li>+Dịch vụ quản trị, bảo hành, bảo trì hoạt động của phần mềm và hệ thống thông tin</li> <li>+Dịch vụ tư vấn, xây dựng dự án phần mềm;</li> <li>+Dịch vụ chuyển giao công nghệ phần mềm;</li> <li>+Dịch vụ tích hợp hệ thống;</li> <li>+Dịch vụ bảo đảm an toàn cho sản phẩm phần mềm, hệ thống thông tin;</li> <li>+Dịch vụ phân phối, cung ứng sản phẩm phần mềm;</li> <li>-Dịch vụ nội dung thông tin số</li> <li>+Dịch vụ phân phối, phát hành sản phẩm nội dung thông tin số;</li> <li>+Dịch vụ nhập, cập nhật, tìm kiếm, lưu trữ và xử lý dữ liệu số;</li> <li>+Dịch vụ quản trị, duy trì, bảo dưỡng, bảo hành các sản phẩm nội dung thông tin số;</li> <li>+Dịch vụ chỉnh sửa, bổ sung tính năng, bản địa hóa các sản phẩm nội dung thông tin số;</li> <li>+Dịch vụ đào tạo từ xa;</li> </ul> | 6209        |
| 9.  | <p>Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet</p> <p>Chi tiết:</p> <p>dịch vụ thương mại điện tử</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4791        |
| 10. | <p>Hoạt động viễn thông khác</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đại lý dịch vụ viễn thông</li> <li>- Dịch vụ viễn thông cơ bản</li> <li>- Dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng</li> <li>- cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng viễn thông di động</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 6190(Chính) |
| 11. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 3312        |
| 12. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 3320        |
| 13. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4652        |
| 14. | Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 2710        |
| 15. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4741        |
| 16. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4931        |
| 17. | Cổng thông tin<br>( trừ hoạt động báo chí)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 6312        |
| 18. | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 7020        |
| 19. | In ấn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 1811        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 20. | Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình<br>chi tiết : hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video                                                                                                                                                                                                                                                                          | 5913 |
| 21. | Xuất bản phần mềm<br>( trừ xuất bản phẩm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 5820 |
| 22. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 6202 |
| 23. | Hoạt động nhiếp ảnh<br>Chi tiết: Chụp ảnh cho tiêu dùng và thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 7420 |
| 24. | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết:<br>Đại lý, môi giới                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4610 |
| 25. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4651 |
| 26. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng;<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi);<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị y tế; | 4659 |
| 27. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4742 |
| 28. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết:<br>- Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh<br>- Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch hoặc mục đích khác;                                                                                                                                                                                      | 4932 |
| 29. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4933 |
| 30. | Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình<br>chi tiết : Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video                                                                                                                                                                                                                                                                            | 5911 |
| 31. | Hoạt động chiếu phim                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 5914 |
| 32. | Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc<br>Chi tiết: Hoạt động ghi âm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 5920 |
| 33. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 6201 |
| 34. | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 1812 |
| 35. | Sản xuất thiết bị truyền thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 2630 |
| 36. | Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 2651 |
| 37. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 6311 |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

Giới tính: *Nam*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 017370061

Nơi cấp: Công An Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Xóm Bến, Xã Tốt Động, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Xóm Bến, Xã Tốt Động, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

### 8. Người đại diện theo pháp luật:

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 017370061

Nơi cấp: Công An Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Xóm Bến, Xã Tốt Động, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Xóm Bến, Xã Tốt Động, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội